|  |  |
| --- | --- |
| TỔNG CỤC THỐNG KÊ  **CỤC THỐNG KÊ TỈNH AN GIANG**  Số: ***362*** /BC-CTK | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *An Giang, ngày* ***01*** *tháng* ***7***  *năm* ***2019.*** |

**BÁO CÁO**

**Phân tích tình hình kinh tế - xã hội**

**6 tháng đầu năm 2019**

**I. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ**

**1. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)**

- Tổng sản phẩm trên địa bàn ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2019 (theo giá so sánh 2010) tăng 6,35% so cùng kỳ năm trước; cao hơn mức tăng 5,92% của cùng kỳ năm trước, cho thấy kinh tế tỉnh nhà tiếp tục phục hồi rõ nét và dần ổn định qua các năm; đồng thời, khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản vẫn là bệ đở cho kinh tế tỉnh nhà.

Trong mức tăng 6,35% thì khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản tăng 3,16%, cao hơn mức tăng 1,15% của cùng kỳ năm trước; khu vực Công nghiệp - Xây dựng tăng 9,50%, hơi thấp hơn mức tăng 10,71% của cùng kỳ năm trước; khu vực dịch vụ tăng 7,12%, hơi thấp hơn mức tăng 7,52% của cùng kỳ năm trước; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 9,61%, cao hơn nhiều mức tăng 2,89% của cùng kỳ năm trước.

Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, ngành thủy sản đạt mức tăng cao nhất với 9,82% so cùng kỳ năm trước; ngành nông nghiệp tăng 2,23% và đây cũng là mức tăng cao nhất; riêng ngành lâm nghiệp chỉ bằng 97,9% (cùng kỳ năm 2018 lần lượt là tăng 7,79%; tăng 0,17% và tăng 4,28%).

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp tăng 9,83% so với cùng kỳ năm trước và xây dựng tăng 8,22%.

Trong khu vực dịch vụ, mức tăng của một số ngành có tỷ trọng lớn như sau: Bán buôn và bán lẻ tăng 6,05% thấp hơn mức tăng 6,6% của cùng kỳ năm trước; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 10,51% thấp hơn mức tăng 11,21% của cùng kỳ năm trước; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,10% thấp hơn mức tăng 7,16 của cùng kỳ năm trước; hoạt động kinh doanh bất động sản tăng 3,99% thấp hơn mức tăng 5,68% của cùng kỳ năm trước; giáo dục và đào tạo tăng 7,51% cao hơn mức tăng 5,59% của cùng kỳ năm trước;...

Về cơ cấu kinh tế 6 tháng đầu năm 2019, tiếp tục chuyển biến theo hướng tích cực và dần ổn định (khu vực I ngày càng giảm và khu vực II, III tăng dần qua các năm), cụ thể: Khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản chiếm tỷ trọng 27,22%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 15,89%; khu vực dịch vụ chiếm 55,13%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 1,76% (cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2018 lần lượt là: 28,90%, 15,31%, 54,07% và 1,72%).

**2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thuỷ sản**

**2.1. Nông nghiệp**

**2.1.1. Trồng trọt**

- Tính chung 6 tháng đầu năm 2019 (gồm vụ Mùa, Đông Xuân), toàn tỉnh gieo trồng được 258.331 ha, đạt 100,3% so KH và bằng 101,42% (+ 3.606 ha)so cùng kỳ; trong đó diện tích lúa 238.429 ha, đạt 100,43% KH và bằng 101,44% (+ 3.375 ha) và hoa màu các loại gieo trồng đạt gần 19.902 ha, đạt 98,78% KH và bằng 101,17% (+231 ha) so cùng kỳ năm trước. Cụ thể:

+ Vụ Mùa (2018-2019): Gieo trồng được 5.040 ha, tăng gấp 1,44 lần so KH và gấp 49 lần (+ 4.938 ha) so vụ Mùa năm trước (Nguyên nhân do toàn bộ diện tích vụ Mùa của huyện Tịnh Biên năm trước chuyển sang sản xuất lúa 2 vụ nhưng do kém hiệu quả năm nay nông dân sản xuất trở lại), trong đó: Cây lúa xuống giống được 4.756 ha (+ 4.654 ha) và hoa màu 284 ha ở huyện Tịnh Biên (năm trước không phát sinh diện tích hoa màu).

Đối với cây lúa, toàn tỉnh chỉ thu hoạch được 98,43% so diện tích gieo trồng (do mưa lớn kéo dài cộng với đỉnh lũ năm 2018 dâng cao đã gây thiệt hại 74,5 ha lúa mùa của huyện Tri Tôn), năng suất thu hoạch bình quân đạt 40,66 tạ/ha, tăng 24,95% (+8,12 tạ/ha); nguyên nhân tăng chủ yếu là do tăng DT SX của huyện Tịnh Biên (huyện có mức năng suất cao so với mức năng suất bình quân chung toàn tỉnh). Sản lượng thu hoạch đạt 19.034 tấn, tăng gần 57 lần (+18.700 tấn) so vụ Mùa năm trước, do diện tích tăng. Về hoa màu, năng suất của hầu hết các loại cây trồng đều đạt mức khá cao, như: Rau dưa các loại đạt 95,68 tạ/ha, sản lượng đạt 359 tấn; khoai mỳ 178,42 tạ/ha, sản lượng 1.387 tấn; củ sắn 230,43 tạ/ha, sản lượng 477 tấn; đậu phộng 35,31 tạ/ha, sản lượng 1.101 tấn; …

+ Vụ Đông Xuân (2018-2019), toàn tỉnh gieo trồng được 253.290 ha, đạt 99,19% KH và bằng 99,48% (- 1.332 ha) so cùng kỳ năm trước, trong đó: Cây lúa xuống giống được 233.673 ha, đạt 99,35% KH, bằng 99,46% (- 1.278 ha) so cùng kỳ và hoa màu các loại gieo trồng được 19.617 ha, đạt 97,37% KH, bằng 99,73% (- 54 ha) so cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, tổng diện tích gieo trồng không đạt KH và giảm so với vụ Đông Xuân năm trước, chủ yếu do diện tích được chuyển sang trồng cây ăn quả, chuyển sang nuôi trồng thuỷ sản, giảm diện tích hoa màu trồng xen trên diện tích trồng cây lâu năm do đã khép tán.

Năng suất thu hoạch lúa bình quân cả vụ đạt 71,01 tạ/ha, bằng 96,58% (- 2,52 tạ/ha) so cùng kỳ năm trước. Sản lượng cả vụ đạt gần 1,65 triệu tấn, giảm 68,2 ngàn tấn (trong đó, yếu tố diện tích giảm 9,4 ngàn tấn và yếu tố năng suất giảm 58,8 ngàn tấn).

Tính chung 6 tháng đầu năm 2019, sản lượng lúa đạt hơn 1,678 triệu tấn, giảm 49,5 ngàn tấn so cùng kỳ; trong đó, sản lượng nếp đạt gần 539 ngàn tấn (chiếm 32,12% tổng sản lượng lúa - nếp), bằng 120,03% hay tăng gần 90 ngàn tấn so cùng kỳ năm 2018.

\* Hoa màu: Nhìn chung năng suất các loại hoa màu tương đối ổn định, nhưng do thay đổi cơ cấu diện tích (DT) giữa các địa phương trong tỉnh hoặc giữa các loại cây trồng trong cùng nhóm cây nên năng suất một số loại và nhóm cây trồng có mức tăng giảm khá đột biến, cụ thể: Bắp đạt 81,02 tạ/ha, giảm 7,93% (- 6,98 tạ/ha), mặc dù năng suất bắp trắng tăng 2,32 tạ/ha nhưng do bắp lai có năng suất cao hơn bắp trắng và có DT gieo trồng giảm 535 ha nên năng suất giảm 4,58 tạ/ha); đậu phộng đạt 55,37 tạ/ha, giảm 15,89% (-10,46 tạ/ha, do giảm DT huyện có năng suất cao là An Phú).

- Cây lâu năm: Trong 6 tháng đầu năm, thực hiện trồng mới khoảng 375 ha, qua đó nâng diện tích cây lâu năm hiện có hơn 17,6 ngàn ha, bằng 111,82%, tăng 1.860 ha so cùng kỳ năm trước; trong đó nhóm cây ăn quả chiếm ưu thế với 15.338 ha (chiếm 87,15% tổng diện tích), tăng 13,33% (tăng 1.804 ha) so cùng kỳ, như: Xoài diện tích hiện có 10.395 ha, tăng 11,96% (+1.111 ha), trong đó các giống xoài chất lượng (Đài Loan, Cát Hoà Lộc chiếm hơn 80% DT); chuối 1.544 ha (+170 ha, riêng chuối cấy mô tăng 120 ha); các loại cây ăn quả có múi (cam, chanh, quýt, bưởi) 1.269 ha, tăng 195 ha;…

Nhờ tích cực chăm sóc, chuyển đổi giống, áp dụng tiến bộ KHKT (như: Xử lý cho ra hoa trái vụ, ghép chồi các giống cho năng suất chất lượng cao trên thân cây đã già cõi, kém hiệu quả,…) nên sản lượng có tăng so cùng kỳ. Sản lượng thu hoạch của các loại cây lâu năm đạt gần 110 ngàn tấn, tăng 14,28% (tăng gần 13,8 ngàn tấn), cụ thể: Xoài sản lượng đạt 68,7 ngàn tấn tăng 12 ngàn tấn (riêng các giống xoài chất lượng Đài Loan, Cát Hòa Lộc đạt 57,7 ngàn tấn, tăng hơn 11,7 ngàn tấn so cùng kỳ); chuối 13,5 ngàn tấn (+497 tấn), riêng chuối cấy mô năng suất đạt 300 tạ/ha và sản lượng đạt hơn 2,2 ngàn tấn, giảm 300 tấn; các loại cây có múi (cam, chanh, quýt, bưởi) sản lượng đạt 2,4 ngàn tấn (tăng 155 tấn) so với cùng kỳ; …

**2.1.2. Chăn nuôi**

Trước tình hình bệnh dịch tả heo Châu Phi xuất hiện và có chiều hướng lan rộng, khó kiểm soát để tỉnh đã công bố dịch bệnh trên toàn tỉnh (Quyết định số1398/UBND ngày 10/6/2019) và áp dụng các biện pháp ngăn chặn dịch bệnh lây lan. Tính đến ngày 10/6/2019, toàn tỉnh có 13 điểm dịch (Tp. Long Xuyên, H. Thoại Sơn, H. Tịnh Biên, H. Châu Phú, H. Tri Tôn và H. Chợ Mới), 13 hộ có xét nghiệm dương tính với dịch tả heo Châu Phi và tiêu hủy 396 con.

Do dịch bệnh heo Châu Phi đang diễn biến phức tạp người chăn nuôi cũng chủ động giảm đàn hoặc hạn chế tái đàn nên quy mô đàn đang có xu hướng giảm dần; ước tính, đàn heo có khoảng 102 ngàn con, bằng 101,67% so cùng kỳ; hiện nay, giá heo hơi sụt giảm (giá bán dao động từ 3,4 - 3,6 triệu đồng/tạ, giảm 0,8 - 1,0 triệu đồng/tạ so tháng 5/2019) do nhu cầu tiêu dùng hạn chế (tâm lý e ngại dịch bệnh nên hạn chế sử dụng thịt heo cho bữa ăn). Thị trường thịt bò hơi liên tục rớt giá, nghề nuôi bò vỗ béo không còn mang lại nhiều lợi nhuận, nhiều hộ nghỉ nuôi, quy mô đàn tiếp tục sụt giảm; ước tính đàn trâu - bò có khoảng 73 ngàn con, bằng 89,73% so cùng kỳ (trong đó, đàn bò 70 ngàn con, bằng 89,95%). Nhờ đẩy mạnh phát triển chăn nuôi quy mô lớn, áp dụng tiêu chuẩn an toàn sinh học, dịch bệnh được kiểm soát kiểm tốt đã góp phần làm tăng quy mô đàn gia cầm, đàn gia cầm toàn tỉnh có khoảng 3,83 triệu con, bằng 104,82% so cùng kỳ (trong đó, đàn gà 1,3 triệu con, tăng 31,15% so cùng kỳ.

Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng trong 6 tháng đầu năm 2019 ước đạt 17,5 ngàn tấn, bằng 96,12% (giảm 707 tấn) so cùng kỳ năm trước, trong đó, sản lượng trâu bò đạt 2,9 ngàn tấn, bằng 91,34% (- 278 tấn); thịt heo gần 10 ngàn tấn, bằng 104,22% (+ 404 tấn); gia cầm các loại 3,5 ngàn, bằng 104,94% (+167 tấn); thịt hơi chăn nuôi khác khoảng 855 tấn, bằng 50,2% (- 1.000 tấn). Sản lượng tổ yến thu hoạch từ nhà nuôi khoảng 1 tấn, tương đương so cùng kỳ.

**2.2. Lâm nghiệp**

Trước tình trạng nắng nóng và khô hạn, tỉnh tập trung nhiều cho công tác phòng cháy chữa cháy rừng; từ đầu năm đến nay, đã xảy ra 3 vụ cháy cây bụi dưới tán rừng (tăng 2 vụ so với năm 2018), diện tích cây bụi bị cháy là 7.900 m2, chủ yếu do người dân bất cẩn trong sử dụng lửa. Đã phát hiện và xử lý 9 vụ vi phạm lâm Luật (tăng 3 vụ so cùng kỳ), phạt tiền 3,75 triệu đồng, tịch thu 19,478 m3 gỗ.

Tính từ đầu năm đến nay, sản lượng gỗ khai thác được 16.925 m3 bằng 99,5% (- 85 m3) và 145.860 ster củi bằng 99,83% (- 255 ster) so cùng kỳ năm trước.

**2.3. Thuỷ sản**

Sản lượng thuỷ sản 6 tháng đầu năm 2019 tiếp tục tăng khá, ước đạt 243.780 tấn, so cùng kỳ năm trước tăng 9,49% (+ 21.129 tấn), trong đó cá đạt 238.081 tấn, tăng 9,96%; tôm đạt 13 tấn, bằng 16,04% và thủy sản khác đạt 5.686 tấn, bằng 94,08%;...gồm:

**2.3.1. Nuôi trồng**

Việc phần lớn diện tích nuôi cá tra đều thuộc vùng nuôi của doanh nghiệp (hoặc hộ nuôi có tham gia liên kết chuỗi) đảm bảo phù hợp quy hoạch nên diện tích nuôi tiếp tục mở rộng. Tính chung 6 tháng đầu năm 2019, sản lượng đạt 234.287 tấn (+ 21.756 tấn), tăng 10,24% so cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích cá tra thu hoạch 584 ha, bằng 116,47% và sản lượng thu hoạch trên 175 ngàn tấn, bằng 113,04% (trong đó sản lượng thu hoạch của doanh nghiệp được 92 ngàn tấn, tăng 23,44%). Trong công tác quản lý ngành Thủy sản địa phương đã cấp 128 giấy chứng nhận đăng ký vùng nuôi (18 doanh nghiệp, 110 hộ dân), 01 mã số nhận diện ao cho doanh nghiệp với tổng diện tích 794 ha (894 ao nuôi).

Các loại cá (cá lóc, rô phi, điêu hồng,...) được thị trường ưa chuộng, tiêu thụ rộng rãi trong và ngoài tỉnh, cùng với xuất khẩu sang Campuchia nên giá bán luôn ổn định, diện tích nuôi cũng được mở rộng. Cộng dồn diện tích cá khác thu hoạch khoảng 109 ha, bằng 101,04% so cùng kỳ và sản lượng thu hoạch gần 39 ngàn tấn, bằng 104,85% so cùng kỳ; trong đó, cá điêu hồng 14 ngàn tấn, bằng 107,53% và cá lóc 16 ngàn tấn, bằng 103,94%. Hiện nay, thị trường cá lóc có giá dao động từ 43 - 45 ngàn đồng/kg, cá rô phi 30-32 ngàn đồng/kg, cá điêu hồng 40 - 42 ngàn đồng/kg ổn định so đầu năm 2019.

Để cung cấp con giống chất lượng cao cho người nuôi, đề án sản xuất giống cá tra 3 cấp (Quyết định 987/QĐ-BNN-TCTS ngày 20/3/2018) đang được đẩy mạnh phát triển ở các địa phương thuộc vùng quy hoạch. Cùng với, diện tích sản xuất giống của doanh nghiệp nên lượng con giống sản xuất tăng mạnh. Số lượng con giống sản xuất 6 tháng đầu năm khoảng 1,4 tỷ con, bằng 118,66% (+222 triệu con) so cùng kỳ; trong đó, cá tra giống 917 triệu con, bằng 112,24% (+100 triệu con) so cùng kỳ.

**2.3.2. Đánh bắt**

Đang cao điểm mùa khô, khai thác thủy sản tự nhiên cũng hạn chế, sản lượng khai thác luôn có xu hướng giảm. Ước tính, sản lượng khai thác 6 tháng đầu năm 2019 khoảng 9.493 tấn, bằng 93,80% (giảm 627 tấn) so cùng kỳ, trong đó sản lượng cá khoảng 4.772 tấn, bằng 93,9%.

**3. Sản xuất công nghiệp**

Với tinh thần quyết tâm thực hiện cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư nên tình hình sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2019 có nhiều khởi sắc, một số công ty, doanh nghiệp mới đi vào sản xuất (trong đó có 3 dự án điện năng lượng mặt trời đang thử nghiệm và vận hành hòa vào lưới điện quốc gia với công suất 205 ngàn kw/h, dự kiến chính thức hoạt động từ tháng 7/2019), qua đó góp phần đạt mức tăng trưởng khá.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2019 tăng 8,17% so cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 9,95% của cùng kỳ năm 2018. Trong đó, tăng cao hơn mức tăng chung và cao nhất là ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 16,91%; kế đến là SX và phấn phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước nóng và điều hòa không khí tăng 9,16%; ngành chế biến, chế tạo tăng 7,97%; riêng ngành khai khoáng tăng 2,98%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 6 tháng đầu năm 2019 đạt mức tăng cao so cùng kỳ năm trước là: Áo sơ mi cho người lớn đạt 13,267 triệu cái, tăng 59,9% và ba lô đạt 72,973 triệu cái, tăng 49,8%; phi lê đông lạnh đạt 69.761 tấn, tăng 16,8%; điện thương phẩm đạt 1.573 triệu Kwh, tăng 10,4%;...do ổn định thị trường tiêu thụ nên SX có tăng. Một số sản phẩm tăng thấp hoặc giảm như: Gạo đã xát toàn bộ đạt 900.619 tấn, tăng 6,15%; giày, dép có đế đạt 7,8 triệu đôi, bằng 85,98%; xi măng Portland đen đạt 170.363 tấn, bằng 97,7%; máy sấy nông sản đạt 62 cái, bằng 86,11%; thuốc trừ sâu khác và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp đạt 13.230 tấn, bằng 59,2%;...Riêng dịch vụ thu gom rác thải không độc hại có thể tái chế đạt 37,6 tỷ đồng, tăng 89,3%.

**4. Hoạt động dịch vụ**

**4.1. Bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng**

6 tháng đầu năm 2019, các cơ sở sản xuất kinh doanh đã thực hiện các chương trình xúc tiến, chương trình khuyến mãi, giảm giá kích cầu tiêu dùng trong dân ngay từ những tháng đầu năm, đã tạo môi trường thúc đẩy các hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ tiêu dùng tiếp tục duy trì ổn định và phát triển, cùng với phát triển kinh tế mạng lưới chợ thông thoáng hàng hóa lưu thông dồi dào cao điểm vào các dịp lễ hội mùa vụ và các ngày nghỉ cuối tuần sức mua tăng mạnh.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu DV tiêu dùng ước đạt hơn 60.425 tỷ đồng, tăng khoảng 11,02% so cùng kỳ năm trước, xét theo ngành hoạt động:

- Doanh thu bán lẻ hàng hoá đạt 44.436 tỷ đồng, tăng 10,87% so cùng kỳ năm trước. Phân theo nhóm ngành hàng so cùng kỳ: Lương thực, thực phẩm tăng 12,8%; hàng may mặc tăng 10,6%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 7,5%; vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 16,5%; gỗ và VLXD tăng 9,6%; ô tô các loại tăng 13,3%; phương tiện đi lại (trừ ôtô kể cả phụ tùng) gần tăng 17%; xăng dầu các loại tăng 2,6%; nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) tăng gần 8%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 6%; hàng hoá khác tăng gần 16%; sửa chữa xe có động cơ, môtô, xe máy và xe có động cơ tăng 21%;...

- Doanh thu DV lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành đạt 11.730 tỷ đồng (chiếm 19,41% tổng mức; cùng kỳ năm 2018 chiếm 19,22%), tăng 12,1% so cùng kỳ năm trước; trong đó: DV lưu trú đạt 130 tỷ đồng, tăng 2,97%; DV ăn uống đạt 11.583 tỷ đồng, tăng 12,24%; du lịch lữ hành đạt 17 tỷ đồng, tăng 4,39%.

- Doanh thu DV khác đạt 4.259 tỷ đồng (chiếm 7,05% tổng mức; cùng kỳ năm 2018 chiếm 7,14%), tăng 9,56% so cùng kỳ năm trước (trong đó: Tăng cao nhất là DV kinh doanh bất động sản tăng 13,5%; DV y tế và hoạt động trợ giúp xã hội tăng 12,6%; DV khác tăng 12%;... Riêng DV giáo dục và đào tạo chỉ bằng 95,13%.

**4.2. Vận tải**

Ước 6 tháng đầu năm 2019, tổng doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 2.575 tỷ đồng, tăng 11,21% so cùng kỳ; trong đó, doanh thu vận tải hành khách đạt 1.022 tỷ đồng, tăng 11,63% và hàng hóa đạt 1.434 tỷ đồng, tăng 11,09%.

Trong 6 tháng đầu năm 2019, vận tải hành khách, ước đạt 72,5 triệu lượt khách, tăng 13,29% và 1.179,1 triệu lượt khách.km, tăng 11,24% so cùng kỳ năm trước, trong đó: Vận tải hành khách đường bộ đạt 46,6 triệu lượt khách, tăng 9,87% và 1.153 triệu lượt khách.km, tăng 11,05%; đường sông đạt 25,9 triệu lượt khách, tăng gần 20% và 26,1 triệu lượt khách.km, tăng 20,3%). Vận tải hàng hoá, ước đạt 19 triệu tấn, tăng 11,5% và 1.497 triệu tấn.km, tăng 11,6 so cùng kỳ năm trước, trong đó: Đường bộ đạt 5,2 triệu tấn, tăng 12,4% và 405,8 triệu tấn.km, tăng 11,8%; đường sông đạt 13,8 triệu tấn, tăng 11,1% và 1.091,2 triệu tấn.km, tăng 11,5%.

**II. ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ, KIỄM SOÁT LẠM PHÁT**

**1. Xây dựng, đầu tư**

**1.1. Xây dựng**

Ước 6 tháng đầu năm 2019, giá trị sản xuất ngành xây dựng: Theo giá hiện hành đạt 5.274 tỷ đồng, tăng 9,64% so cùng kỳ năm trước (trong đó, hộ dân cư đạt 2.544 tỷ đồng, tăng 3,1%; điều kiện mức sống trong dân cư ngày càng cao, hộ xây mới, sửa chữa nhà đáp ứng nhu cầu ổn định cuộc sống) và theo giá so sánh ước đạt 3.666 tỷ đồng, tăng 8,22% so cùng kỳ năm trước.

Nhận định xu hướng sản xuất ngành xây dựng: Đối với quý báo cáo, hoạt động SXKD của các doanh nghiệp thuận lợi hơn 21,05%, khó khăn 31,58%, không đổi 43,86% và không biết 3,57%. Đối với quý tiếp theo, hoạt động SXKD của các doanh nghiệp xây dựng nói chung thuận lợi hơn 10,53%, khó khăn 31,58%, không đổi 57,89%.

**1.2. Đầu tư phát triển**

Thực hiện vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước 6 tháng đầu năm 2019 đạt 1.700 tỷ đồng, so KH bằng 44,8% và so cùng kỳ tăng 51,2%, trong đó so cùng kỳ năm trước: Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh đạt 1.369 tỷ đồng, tăng 48,5%; cấp huyện đạt 331 tỷ đồng, tăng 63,8%.

**3. Thu, chi ngân sách nhà** nước (Từ đầu năm 2019 đến ngày 20/6/2019)

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn ước được 3.997 tỷ đồng, so dự toán năm đạt 65,73% và so cùng kỳ đạt 141,31%, bao gồm: Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 349 tỷ đồng, đạt 197,73% và đạt 498,99% và thu nội địa 3.648 tỷ đồng, đạt 61,79% và đạt 132,24%, trong đó thu cân đối 3.647 tỷ đồng, đạt 61,78% và đạt 132,28%.

Tổng chi ngân sách Nhà nước địa phương đạt 5.621 tỷ đồng, so dự toán đạt 41,77% và so cùng kỳ đạt 178,15%; gồm: Chi đầu tư phát triển 1.354 tỷ đồng, đạt 33,57% và đạt 158,62%; chi thường xuyên 4.267 tỷ đồng, đạt 46,44% và đạt 185,40%.

**4. Xuất, nhập khẩu hàng hóa**

**4.1. Xuất khẩu hàng hoá**

Nhìn chung, tình hình xuất khẩu hàng hóa trong 6 tháng đầu năm 2019 tiếp tục tăng so cùng kỳ, trong đó, các mặt hàng chủ lực của tỉnh như: Gạo, cá, hàng may mặc, rau quả đông lạnh,...vẫn tiếp tục tăng so cùng kỳ, cụ thể:

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm 2019 ước đạt 432,9 triệu USD, bằng 48,64% so kế hoạch năm (trong đó 2 mặt hàng chủ lực của tỉnh là gạo và thủy sản tăng khá,...) và so cùng kỳ năm trước tăng 13,33%, trong đó điểm qua một số mặt hàng chủ yếu của tỉnh:

- Thuỷ sản đông lạnh: Ước xuất được 60.000 tấn, tương đương 144 triệu USD, so cùng kỳ tăng 5,69% về lượng và tăng 6,69% về kim ngạch.

Về thị trường, ước 6 tháng đầu năm 2019 xuất khẩu qua 78 nước; trong đó, 31 nước Châu Á có tỷ trọng cao nhất trong tổng lượng xuất khẩu trực tiếp (53,91%). Tỷ trọng còn lại xuất qua 21 nước Châu Âu; 16 nước Châu Mỹ và 3 nước Châu Đại Dương, 7 nước Châu Phi. Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019, Trung Quốc vẫn là thị trường chiếm tỷ trọng cao nhất 8.981 tấn, chiếm 15,62% trong tổng lượng xuất khẩu trực tiếp. Kế đến là thị trường Mêhicô (5.799 tấn, chiếm 10,09% trong tổng lượng xuất khẩu trực tiếp)…

Giá xuất khẩu thủy sản đông lạnh bình quân 6 tháng đầu năm 2019, đạt 2.400 USD/tấn, tăng bình quân tăng 1,31% so cùng kỳ; nguyên nhân tăng là do ảnh hưởng của nhu cầu thị trường tăng.

- Gạo: Ước xuất được 252.000 tấn, tương đương 128,5 triệu USD, so kế hoạch năm bằng 49,41% về lượng và bằng 49,42% về kim ngạch; so cùng kỳ tăng 19,25% về lượng và tăng 19,84% về kim ngạch. Nhìn chung, tình hình xuất khẩu gạo trong 6 tháng đầu năm 2019, có tín hiệu khả quan, nhờ nhu cầu từ các thị trường truyền thống như Indonesia, Philippines, Malaysia… và một số thị trường mới như Băng-la-đét.

Về thị trường, ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2019 xuất khẩu qua 39 nước, trong đó, 13 nước Châu Á có tỷ trọng cao nhất trong tổng lượng xuất khẩu trực tiếp (79,50%), trong đó, Trung Quốc vẫn là thị trường chiếm tỷ trọng cao nhất 65.665 tấn, chiếm 32,01% tổng lượng xuất khẩu trực tiếp, tăng 13,58% so cùng kỳ); kế đến là thị trường Malaysia (31.610 tấn, chiếm 15,41%, tăng 13,96% so cùng kỳ); thị trường Philippines (29.173 tấn, chiếm 14,22%, tăng 12,82% so cùng kỳ). Kế đến là 11 nước Châu Phi (16,21%) trong tổng lượng xuất khẩu trực tiếp. Tỷ trọng còn lại xuất qua 7 nước Châu Âu; 4 nước Châu Mỹ và 4 nước châu Đại Dương.

Giá gạo xuất khẩu bình quân 6 tháng đầu năm 2019 đạt 509,92 tấn/USD (tăng 1,64% so cùng kỳ); nguyên nhân là do nhu cầu thị trường tăng, ảnh hưởng giá tăng. Mặt khác, cơ cấu gạo xuất khẩu đang có sự chuyển dịch từ gạo cấp thấp sang gạo cao cấp, gạo chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu thị trường xuất khẩu, đây cũng là nguyên nhân làm tăng kim ngạch xuất khẩu.

- Rau quả đông lạnh: Ước xuất đạt 4.400 tấn, tương đương 7,4 triệu USD, so kế hoạch năm bằng 46,3% về lượng và bằng 46,3% về kim ngạch và so cùng kỳ tăng 8,62% về lượng và tăng 10,28% về kim ngạch.

Về thị trường, ước 6 tháng đầu năm 2019 xuất khẩu qua 78 nước, trong đó, 31 nước Châu Á có tỷ trọng cao nhất trong tổng lượng xuất khẩu trực tiếp với 53,91% (trong đó, Trung Quốc vẫn là thị trường chiếm tỷ trọng cao nhất 8.981 tấn, chiếm 15,62% trong tổng lượng xuất khẩu trực tiếp; kế đến là thị trường Mêhicô (5.799 tấn, chiếm 10,09% trong tổng lượng xuất khẩu trực tiếp)). Tỷ trọng còn lại xuất qua 21 nước Châu Âu; 16 nước Châu Mỹ và 3 nước Châu Đại Dương, 7 nước Châu Phi. Giá xuất khẩu thủy sản đông lạnh bình quân 6 tháng đầu năm 2019, đạt 2.400 USD/tấn, tăng bình quân tăng 1.31% so cùng kỳ. Nguyên nhân tăng là do ảnh hưởng của nhu cầu thị trường tăng.

- Hàng dệt, may ước xuất được 46,17 triệu USD, so kế hoạch năm bằng 35,5%; so cùng kỳ tăng 20,85%. Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù xuất được 15,83 triệu USD, tăng gần 15% và giày dép các loại xuất được hơn 10,9 triệu USD, chỉ đạt 90,4%... so với cùng kỳ năm trước. Về thị trường, Mỹ vẫn là thị trường chiếm tỷ trọng cao nhất. Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu qua thị trường Mỹ chiếm 34,99% kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc.

- Hàng hóa khác xuất đạt 62,5 triệu USD, so cùng kỳ tăng 18,62%.

**4.2. Nhập khẩu hàng hoá**

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2019 ước đạt 75,2 triệu USD, so kế hoạch năm bằng 47% và so cùng kỳ tăng 8,37, trong đó: Thuốc trừ sâu và nguyên liệu đạt 15 triệu USD, bằng 88,3% so cùng kỳ năm trước; vải các loại đạt 35 triệu USD, bằng 139,8% so cùng kỳ năm trước; TĂGS và nguyên liệu đạt 4 triệu USD; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 5,6 triệu USD, so cùng kỳ năm trước tăng 73,5%;...

**5. Chỉ số giá**

**5.1. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)**

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2019 tiếp tục tăng 0,09% so tháng trước, trong đó có 7 nhóm tăng, 3 nhóm giảm và 1 nhóm ổn định; tăng cao nhất vẫn là nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,34%; kế đến là nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,59%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,39% (trong đó lương thực giảm 2%, tăng chủ yếu là mặt hàng gạo tăng 1,8%; thực phẩm tăng 0,99% và ăn uống ngoài gia đình tăng 0,37%); hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,09%; giáo dục và thiết bị và đồ dùng gia đình cùng tăng 0,07%; may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,02%;...

Các nhóm hàng hóa và dịch vụ còn lại đều giảm như nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD giảm 0,40%; bưu chính, viễn thông giảm 0,08%; riêng thuốc và dịch vụ y tế ổn định.

CPI tháng 6/2019 tăng 1,44% so tháng 12 năm trước; so cùng kỳ tăng 2,95%.

**5.2. Chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ**

Chỉ số giá vàng (kiểu nhẩn tròn 1-2 chỉ; vàng 99,99%) tháng 6/2019 tăng 1,49% so tháng trước; so tháng 12/2018 tăng 4,93% và so cùng kỳ tăng 2,17% (do ảnh hưởng giá thế giới). Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 6/2019 tăng 0,49% so tháng trước; so tháng 12/2018 tăng 0,34% và so cùng kỳ năm trước tăng 2,67% (do ảnh hưởng giá thế giới).

**III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**1. Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm**

- Tình hình dịch bệnh từ đầu năm đến 18/6/2019: Sốt xuất huyết có 1.541 ca mắc, không tử vong; so cùng kỳ năm trước bằng 118,4% (tăng 238 ca mắc). Tay chân miệng có 486 ca mắc, không tử vong; so cùng kỳ bằng 160,4% (tăng 183 ca mắc). Thương hàn và phó thương hàn có 8 ca mắc, không có tử vong. Từ đầu năm 2019 đến nay, xảy ra 1 vụ ngộ độc thực phẩm, với 4 người mắc và có 1 người tử vong.

**2. Hoạt động văn hoá và thể dục thể thao**

Hoạt động văn hóa trong 6 tháng đầu năm 2019, tập trung vào các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch chào mừng Tết Dương lịch 2019, mừng Đảng mừng Xuân Kỷ Hợi 2019, cùng các lễ hội truyền thống của địa phương, của đất nước... Bên cạnh đó, thanh tra Sở triển khai 6 cuộc kiểm tra, giám sát hoạt động lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; tổ chức sôi nổi trên 200 giải thể thao thu hút trên 90.000 lượt vận động viên và đông đảo quần chúng nhân dân tham gia, trong đó đã tổ chức thành công Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2019.

Các đội thể thao thành tích cao đã cử 366 lượt vận động viên và 83 HLV, thi đấu các giải thể trong và ngoài nước như: Bơi lội, Boxing, Cử tạ, Điền kinh, PencakSilat, Karate, Võ cổ truyền, Xe đạp,...kết quả đoạt 194 huy chương các loại (58 HCV - 63 HCB - 73 HCĐ).

**3. Tai nạn giao thông**

Tai nạn giao thông 6 tháng đầu năm 2019 toàn tỉnh đã xảy ra 30 vụ tai nạn giao thông, đường bộ chiếm 30 vụ (trong đó quý I xảy ra 14 vụ và quý II xảy ra 16 vụ); làm chết 26 người (trong đó quý I có 13 người chết và quý II có 13 người chết) và làm bị thương 13 người (trong đó quý I có 3 người và quý II có 10 người).

**4. Phòng, chống cháy, nổ**

- Trong 6 tháng đầu năm 2019, xảy ra 12 vụ cháy, nổ (trong đó quý I có 6 vụ và quý II có 6 vụ); làm bị thương 1 người và ước giá trị thiệt hại 4,8 tỷ đồng (trong đó quý I là 2,7 tỷ đồng và quý II thiệt hại là 2,1 tỷ đồng)./.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:*  - VP. Tỉnh ủy;  - VP. HĐND tỉnh;  - VP. UBND tỉnh; để báo cáo  - Đảng uỷ khối DCĐ;  - P.ANKT, Công an tỉnh  - Lưu: VT; P. TK Tổng hợp. | **CỤC TRƯỞNG**  **Thiều Vĩnh An** |